



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Thận trọng quanh ngưỡng đỉnh lịch sử

ASEANSC Research | 02-03-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index tiệm cận mốc 1.900 điểm

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- **Trong tuần qua, VN-Index ghi nhận đà phục hồi tích cực, khi lực cầu gia tăng hỗ trợ chỉ số tiến gần về mốc đỉnh lịch sử.** VN Index kết tuần quanh mức 1.880,33 điểm, tăng 3,08% so với thứ Sáu liền trước. Dòng tiền lan tỏa đến nhiều nhóm ngành, trong đó những nhóm ngành đáng chú ý bao gồm Dầu khí, Hóa Chất và Thép.
- **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng biến động rung lắc do lực cung quanh vùng đỉnh lịch sử.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)
- **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nới lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index tiệm cận mốc 1.900 điểm



Nguồn: Tradingview, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm **cơ hội Trading**. Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.
- Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).
- Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường **thuận lợi**. Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.
- Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường. Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 02/03/2026 – 06/03/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
TCB	Ngân hàng	35,5 – 36	38 +/-	Trung bình (30% - 50%)
SSI	Chứng khoán	31,5 – 32	33,5 +/-	
VCI	Chứng khoán	37 – 37,7	39,5 +/-	
HPG	Thép	28 – 28,5	30 +/-	
PNJ	Bán lẻ	117 – 120	125 +/-	
DGW	Bán lẻ	50 – 50,5	53 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 23/02/2026 – 27/02/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
TCB	Ngân hàng	33 – 34	2,26%
EIB	Ngân hàng	21,5 – 22,5	1,3%
SSI	Chứng khoán	30 – 31	3,18%
VCI	Chứng khoán	35 – 36	5,48%
DGW	Bán lẻ	48 – 49,5	1,39%
BSR	Dầu khí	23 – 24	27,35%

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Đối với chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền, nhà đầu tư nên tìm kiếm cơ hội theo các chủ điểm sau:

Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa	Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới
Cổ Phiếu Có Lợi Tức Dự Kiến $\geq 6\%$	Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân
Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước	Tiêu dùng - bán lẻ khởi sắc
BDS Khu công nghiệp khởi sắc	Mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận
Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)	Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng
Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số	Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí
Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường	Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường
Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)	Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	1.290	87	1.376	10%	5%	12.939	28,1	2,5
VNM	1.338	(2.502)	(1.165)	26%	1%	20.900	15,1	4,1
BVH	69	30	99	12%	21%	7.423	13,9	2,4
POW	704	29	733	8%	26%	27.868	17,5	1,1
VGC	32	(50)	(17)	15%	12%	4.484	16,4	2,0
GAS	344	(147)	197	17%	12%	24.129	22,8	3,8
BSR	2.784	523	3.307	9%	191%	50.073	30,1	2,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(287)	(5.424)	(5.710)	27%	20%	17.035	16,9	3,6
HDB	(666)	16	(651)	25%	28%	50.053	8,0	1,7
GMD	766	540	1.306	16%	43%	4.265	21,5	2,4
DGW	807	(266)	542	17%	1640%	2.213	20,5	3,2
PNJ	370	226	596	23%	31%	3.413	14,6	3,1
REE	(106)	0	(105)	13%	15%	5.417	32,6	1,3
VPB	1.250	63	1.313	15%	35%	79.339	9,6	1,3
ACB	561	72	632	17%	14%	51.367	8,1	1,3
TCB	438	(3)	435	15%	10%	70.862	9,6	1,4
MWG	902	(15)	887	23%	525%	14.697	19,5	4,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	1.290	87	1.376	10%	5%	12.939	28,1	2,5
OIL	694	(16)	678	4%	-10%	2.014	46,5	1,7
GAS	344	(147)	197	17%	12%	24.129	22,8	3,8
PVS	311	(167)	144	12%	30%	5.114	13,3	1,5
PVD	1.100	(24)	1.076	6%	-224%	5.563	20,8	1,3
BSR	2.784	523	3.307	9%	191%	50.073	30,1	2,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	1.290	87	1.376	10%	5%	12.939	28,1	2,5
GVR	302	111	413	10%	9%	40.000	29,2	2,6
BVH	69	30	99	12%	21%	7.423	13,9	2,4
POW	704	29	733	8%	26%	27.868	17,5	1,1
BID	(793)	(61)	(854)	18%	31%	70.214	10,6	1,9
GAS	344	(147)	197	17%	12%	24.129	22,8	3,8
BSR	2.784	523	3.307	9%	191%	50.073	30,1	2,6
VCB	1.492	(948)	544	16%	13%	83.557	15,4	2,4
CTG	63	(135)	(72)	21%	-12%	77.669	8,6	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	1.338	(2.502)	(1.165)	26%	1%	20.900	15,1	4,1
DGW	807	(266)	542	17%	1640%	2.213	20,5	3,2
PNJ	370	226	596	23%	31%	3.413	14,6	3,1
MSN	521	(2)	518	16%	18%	14.459	27,7	2,5
FRT	(90)	(133)	(224)	27%	-69%	1.703	36,2	5,6
MWG	902	(15)	887	23%	525%	14.697	19,5	4,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	122	(89)	33	30%	70%	3.795	9,5	2,2
BCM	413	(89)	325	16%	26%	10.350	20,0	3,0
KBC	238	(14)	224	9%	113%	9.418	14,2	1,1
SIP	125	(15)	110	27%	14%	2.421	10,9	2,6
TIP	3	-	3	4%	6%	650	3,4	0,7
VGC	32	(50)	(17)	15%	12%	4.484	16,4	2,0
LHG	13	(4)	9	16%	5%	500	5,1	0,8
PHR	177	(34)	143	13%	9%	1.355	16,7	2,0
NTC	4	-	4	29%	6%	240	10,3	2,8
SZC	17	(15)	1	11%	6%	1.800	18,0	1,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(287)	(5.424)	(5.710)	27%	20%	17.035	16,9	3,6
HPG	4.363	3.682	8.045	12%	3%	76.755	14,3	1,7
PNJ	370	226	596	23%	31%	3.413	14,6	3,1
DCM	661	2	663	18%	31%	5.294	11,8	2,1
VPB	1.250	63	1.313	15%	35%	79.339	9,6	1,3
MBB	592	27	618	21%	20%	80.550	8,4	1,6
MWG	902	(15)	887	23%	525%	14.697	19,5	4,1
CTG	63	(135)	(72)	21%	-12%	77.669	8,6	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	2.479	(187)	2.291	10%	-37%	18.852	21,0	2,1
HDB	(666)	16	(651)	25%	28%	50.053	8,0	1,7
BID	(793)	(61)	(854)	18%	31%	70.214	10,6	1,9
VPB	1.250	63	1.313	15%	35%	79.339	9,6	1,3
MBB	592	27	618	21%	20%	80.550	8,4	1,6
ACB	561	72	632	17%	14%	51.367	8,1	1,3
VCB	1.492	(948)	544	16%	13%	83.557	15,4	2,4
TCB	438	(3)	435	15%	10%	70.862	9,6	1,4
CTG	63	(135)	(72)	21%	-12%	77.669	8,6	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	4.363	3.682	8.045	12%	3%	76.755	14,3	1,7
PLC	50	2	53	1%	47%	808	197,8	2,2
FCN	15	(9)	6	3%	-40%	1.574	66,2	0,6
HT1	42	12	54	6%	117%	3.816	23,8	1,3
KSB	67	4	71	6%	18%	1.148	12,9	0,7
CTD	211	(2)	208	5%	169%	1.087	11,4	1,0
HHV	43	6	49	6%	24%	4.974	10,3	0,5
VCG	3	(16)	(13)	35%	118%	6.465	3,1	1,0
BMP	(1)	(4)	(5)	42%	73%	819	10,6	4,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	704	29	733	8%	26%	27.868	17,5	1,1
NT2	(1)	20	19	23%	261%	2.879	8,0	1,7
TV2	66	9	75	7%	-3%	675	33,3	2,0
GEG	10	4	15	15%	211%	3.583	7,6	0,8
REE	(106)	0	(105)	13%	15%	5.417	32,6	1,3
PC1	1.354	(14)	1.340	17%	38%	4.113	11,8	1,4



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	704	29	733	8%	26%	27.868	17,5	1,1
TV2	66	9	75	7%	-3%	675	33,3	2,0
PVB	53	1	55	15%	-451%	216	13,4	1,8
GAS	344	(147)	197	17%	12%	24.129	22,8	3,8
PVS	311	(167)	144	12%	30%	5.114	13,3	1,5
PVD	1.100	(24)	1.076	6%	-224%	5.563	20,8	1,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trục/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	1.492	(948)	544	16%	13%	83.557	15,4	2,4
FPT	(287)	(5.424)	(5.710)	27%	20%	17.035	16,9	3,6
VNM	1.338	(2.502)	(1.165)	26%	1%	20.900	15,1	4,1
HPG	4.363	3.682	8.045	12%	3%	76.755	14,3	1,7
BID	(793)	(61)	(854)	18%	31%	70.214	10,6	1,9
TCB	438	(3)	435	15%	10%	70.862	9,6	1,4
CTG	63	(135)	(72)	21%	-12%	77.669	8,6	1,7
VHM	1.408	123	1.531	18%	4%	41.074	10,8	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(287)	(5.424)	(5.710)	27%	20%	17.035	16,9	3,6
VNM	1.338	(2.502)	(1.165)	26%	1%	20.900	15,1	4,1
HPG	4.363	3.682	8.045	12%	3%	76.755	14,3	1,7
VPB	1.250	63	1.313	15%	35%	79.339	9,6	1,3
MBB	592	27	618	21%	20%	80.550	8,4	1,6
VCB	1.492	(948)	544	16%	13%	83.557	15,4	2,4
TCB	438	(3)	435	15%	10%	70.862	9,6	1,4
VHM	1.408	123	1.531	18%	4%	41.074	10,8	1,8
SSI	4.482	(106)	4.376	14%	17%	24.931	16,0	2,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	(157)	(82)	(239)	7%	-2%	4.851	16,1	0,8
PDR	(458)	(69)	(527)	4%	19%	9.978	30,9	1,3
KDH	(145)	(6)	(151)	8%	18%	11.222	28,9	1,4
DXG	(377)	(142)	(519)	3%	23%	11.141	64,8	0,7
VHM	1.408	123	1.531	18%	4%	41.074	10,8	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	472	99	571	21%	76%	15.218	17,8	2,2
TCX	472	55	527	16%	21%	23.113	25,8	3,3
VCI	1.383	128	1.511	10%	12%	8.501	20,8	1,6
MBS	346	(13)	332	15%	20%	6.673	14,7	2,1
VND	(51)	17	(34)	10%	5%	15.223	14,1	1,4
VIX	198	(40)	158	29%	209%	15.314	11,6	1,6
SHS	241	(36)	206	11%	68%	8.995	13,2	1,4
HCM	937	37	974	10%	5%	10.808	18,7	1,5
SSI	4.482	(106)	4.376	14%	17%	24.931	16,0	2,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
VCB	(1.792)	(1.360)	(3.152)	16%	13%	83.557	15,3	2,4	64.700	3%	15.811.100
BID	(1.833)	(21)	(1.854)	18%	31%	70.214	10,8	1,9	48.500	3%	22.973.600
CTG	(1.179)	(218)	(1.397)	21%	-12%	77.669	8,5	1,6	37.900	2%	12.648.100
TCB	224	32	256	15%	10%	70.862	9,4	1,4	35.300	2%	9.951.100
VPB	(395)	(86)	(481)	15%	35%	79.339	9,4	1,2	28.300	6%	11.076.900
HDB	643	(199)	445	25%	28%	50.053	7,9	1,7	27.800	4%	12.368.700
TCX	(220)	86	(135)	16%	21%	23.113	22,7	2,9	55.800	2%	850.900
VCI	(170)	(46)	(216)	10%	12%	8.501	19,2	1,4	35.550	2%	4.436.000



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
FPT	(1.053)	(1.240)	(2.293)	27%	20%	17.035	17,9	3,8	98.600	1%	6.113.500
HPG	(3.448)	(59)	(3.507)	12%	3%	76.755	13,3	1,6	26.850	1%	32.543.400
PVS	(1.490)	305	(1.185)	12%	30%	5.114	12,0	1,4	42.800	1%	14.159.283
PVD	(238)	199	(39)	6%	-224%	5.563	17,6	1,1	32.600	0%	12.323.400
PNJ	(88)	(213)	(301)	23%	31%	3.413	13,9	3,0	115.900	3%	2.252.400
VNM	(811)	270	(541)	26%	1%	20.900	15,3	4,2	69.100	1%	5.090.400
MSN	(1.532)	(59)	(1.591)	16%	18%	14.459	27,4	2,5	78.000	2%	6.018.600
MWG	(924)	507	(417)	23%	525%	14.697	19,2	4,1	91.900	3%	5.950.600

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**